

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **83/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 31 - 5 - 2023.
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Dũng
- Ông Nguyễn Tấn Lập

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát huyện H không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Lê N T, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Năm 2016, chị với anh Lê N T tìm hiểu, yêu thương và được gia đình hai bên đồng ý nên anh, chị đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 13/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ 3, ấp M, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/8/2015, hiện nay con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau thời gian chung sống, chị với anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Sau đó, hai vợ chồng có nhiều cố gắng để hàn gắn hôn nhân nhưng không mang lại kết quả gì nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2028 cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Lê Ngọc T.
- Về quan hệ con chung: Chị với anh Thái có một con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/8/2015. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Thái phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Lê Ngọc T có ý kiến:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) cho bị đơn anh Lê Ngọc T, nhưng bị đơn anh Lê Ngọc T không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung với bị đơn anh Lê Ngọc T.

- Bị đơn anh Lê Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Ngọc T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Ngọc T.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh Lê Ngọc T có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Ngọc T đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13 tháng 5 năm 2016 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Ngọc T là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị Kim C cho rằng, khi chung sống với anh T thì giữa chị với anh T thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau nên vợ chồng đã ly thân từ

năm 2018 cho đến nay. Cho nên, chị không còn tình cảm với anh T nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Trong khi đó, anh Lê Ngọc T mặc dù đã được Tòa án trực tiếp thực hiện thủ tục tố tụng như thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Kim C; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, anh Lê Ngọc T không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị C. Điều này cho thấy, anh Lê Ngọc T không quan tâm và không muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Kim C nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Cho nên, căn cứ vào Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim C là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Kim C với anh Lê Ngọc T có một con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/8/2015. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Thái phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Lê Nguyễn Bảo N từ nhỏ đã sống chung và do chị Nguyễn Thị Kim C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Cho nên, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập bình thường của cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết để chị Nguyễn Thị Kim C tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Bảo N. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu anh Lê Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[6]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Lê N T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 25/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh Lê Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kim C về việc không yêu cầu anh Lê Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Lê Ngọc T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Lê Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị

Kim C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004268 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim C, anh Lê Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh